TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09/6/2022.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình;
Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1981; (có mặt)
Địa chỉ: 51, tổ 6, khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Đặng Đình N, sinh năm 1979; (vắng mặt)
Địa chỉ: 51, tổ 6, khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Đình N tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2002. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 11/2021 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Có 02 cháu là Đặng Thị Tuyết N1, sinh ngày 08/6/2003 và Đặng Đình Đăng D, sinh ngày 22/11/2009. Khi ly hôn, bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu N1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà M khai không có.

** Bị đơn ông Đặng Đình N trong quá trình tham gia tố tụng trình bày:*

Ông kết hôn với bà M vào năm 2002, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nguyên do tính tình của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được. Từ tháng 11/2021 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 02 cháu là Đặng Thị Tuyết N1, sinh ngày 08/6/2003 và Đặng Đình Đăng D, sinh ngày 22/11/2009. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cháu Dương cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu N1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông N khai hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông N khai không có.

Do điều kiện công việc riêng của gia đình nên ông không thể có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập. Ông N đề nghị được vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa ông và bà Đỗ Thị M. Ông đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn ông Đặng Đình N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị M, ông N cũng đồng ý ly hôn, nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà M và ông N; về con chung giao cháu Đặng Đình Đăng D cho bà M nuôi dưỡng, tạm thời ông N không phải cấp dưỡng cho con; đối với cháu Đặng Thị Tuyết N1 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung do ông N vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Đặng Đình N, nơi cư trú tại nhà số 51, tổ 6, khu phố 4, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Đặng Đình N không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án, nhưng ông N có bản tự khai và đơn đề nghị (có chứng thực ngày 29/4/2022) vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Đỗ Thị M kết hôn với ông Đặng Đình N và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 215, ngày 19/8/2002; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13 và 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà M và ông N được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà M, ông N đã phát sinh sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai đã sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay; ông N cũng thừa nhận vợ chồng sống chung phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không đạt được và nay ông đồng ý ly hôn với bà M. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà M và ông N đã lâm vào trình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ, đồng thời ông N cũng đồng ý ly hôn, nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa các đương sự theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà M và ông N có 02 con chung là Đặng Thị Tuyết N1, sinh ngày 08/6/2003 và Đặng Đình Đăng D, sinh ngày 22/11/2009. Khi ly hôn, ông N đồng ý giao cháu Dương cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu N1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu D đang sống cùng bà M và có nguyện vọng ở với mẹ; do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Dương cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do bà M không yêu cầu, nên tạm thời ông N không phải cấp dưỡng cho con; vì không trực tiếp nuôi con nên ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà M và ông N đều khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung đều khai không có; tuy nhiên do ông N vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14, 89 và 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị M và ông Đặng Đình N.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Đình Đăng D, sinh ngày 22/11/2009 cho bà Đỗ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Đặng Đình N không phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Đặng Thị Tuyết N1, sinh ngày 08/6/2003 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M khai tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung, còn ông Đặng Đình N vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004189 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 215, ngày 19/8/2002);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn